

Hà Nam

nhìn từ Thăng Long - Hà Nội

MAI KHÁNH*

Trong chiều sâu/dài của lịch sử, Thăng Long - Hà Nội và Hà Nam có mối quan hệ gắn bó hai chiều, về cả tự nhiên và xã hội, trên trục lịch đại và đồng đại.

Địa chất, núi sông

Hà Nội, Hà Nam nằm trong tam giác châu do sông Hồng và các phụ lưu tạo nên, bề mặt nghiêng từ Tây - Bắc xuống Đông - Nam, địa hình lồi lõm, giới địa chất học đặt tên là "máng trũng Hà Nội" hay "vùng vũng Hà Nội". Vận động kiến tạo hình thành dưới tầng sâu những nếp uốn khúc hình sin tựa như những con rồng đất mềm mại. Có thể gọi một cách hình tượng đó là "những con rồng ẩn tàng", mà các nhà phong thủy xưa, với trực giác siêu nghiệm đã nhận ra ở thể đất của thành Đại La (thời nhà Đường thống trị), rồi kinh đô Thăng Long, Đông Đô, Đông Kinh. Đã có rồng, tất phải có long mạch. Qua sơn danh (tên núi) ta nhận thấy ở xứ Bắc, xứ Đoài, xứ Đông không ngọn núi nào có từ tố "Long". Trung tâm kinh thành có núi "Long Đỗ", tức rốn rồng, quen gọi là núi Nùng - núi Thiêng, nên Lý Thái Tổ (1009 - 1028) đã cho dựng chính điện trên núi, thời Hậu Lê cũng xây dựng điện Kính Thiên ở nơi

này. Từ "rốn rồng", các nhà phong thủy Lý đã tìm long mạch về hướng Nam theo thủy lưu sông Hồng, bên tả ngạn thì không có núi, bên hữu ngạn đột khởi giữa đồng bằng một ngọn núi, độ cao trung bình. Long mạch đến đây đã phát lộ, đầu triều Lý được đặt tên là "Long lĩnh" (ngọn núi rồng), rồi đến vua Lý Nhân Tông, vị thế thăng trội thành "Long Đọi sơn" (núi Hàng Rồng). Xa hơn nữa về phía tỉnh Nam Định, chỉ có núi Hổ (xã Kim Thái, Vụ Bản), không có núi rồng nào nữa. Long Đọi sơn, nay quen gọi là Núi Đọi (thuộc xã Đọi Sơn, Duy Tiên).

Thủy văn Hà Nội - Hà Nam thông suốt, liên mạch. Thuở xưa, từ kinh thành Thăng Long có ba đường thủy về phía Nam qua đất Hà Nam: Sông Hồng - Sông Châu - Sông Đáy, Sông Hồng - Sông Đáy, sông Tô Lịch - sông Nhuệ - sông Thiên Mạc - sông Châu - sông Đáy, cuối cùng đều ra biển Đông. Đó là những tuyến giao thông đường thủy quan trọng. Còn về đường bộ, trước khi đường thiên lý (hạ đạo) liên thông, thì tuyến đường ven núi (thượng đạo) giao thông Bắc - Nam và ngược lại men theo chân dải sơn khối đá vôi Kim Bảng, Thanh Liêm.

Lịch sử, văn hoá Hà Nam khởi nguồn từ Thăng Long

Từ khi trở thành kinh đô, Thăng Long là trung tâm thu nhận, hội tụ, lan tỏa lịch sử, văn hoá của mọi miền đất nước, nhất là của tứ xứ/trấn bao quanh: Đông; Đoài, Bắc, Nam (Hải Đông, Sơn Tây, Kinh Bắc, Sơn Nam).

Tháng 7 năm 1010, Lý Thái Tổ rời đô về thành Đại La. Từ kinh đô Hoa Lư, cuộc thiên đô của nhà Lý, chủ yếu theo đường thuỷ từ Sào Khê - Hoàng Long (trên đất Ninh Bình) rồi vào Sông Đáy - sông Châu - sông Thiên Mạc trên đất Hà Nam với thuỷ lộ khá dài, sau đó theo đường sông Nhuệ - sông Tô Lịch trên đất Hà Nội ngày nay. Một bộ phận quan quân đi theo tuyến “thượng đạo” men chân dải sơn khối đá vôi Thanh Liêm, Kim Bảng.

Kinh đô mới được nhà Lý định danh là Thăng Long (rồng bay lên), một huyền thoại lịch sử, rồi sau đó được bồi đắp bởi dấu ấn phong thuỷ, thiêng hoá, biểu tượng vương quyền, ý hướng Nam tiến: “Long linh”, “Long Đọi sơn”.

Từ đây, vùng đất Hà Nam in/lưu dấu lịch sử khởi/bắt nguồn từ Thăng Long, chỉ xin nêu những sự kiện tiêu biểu.

Chiêm Thành ở biên giới phía Nam nước Đại Việt tiếp tục quấy rối, nên triều đình nhà Lý phải tiêu phạt. Ngoài việc giao cho các quan trấn trị địa phương ở vùng đất giáp ranh Chiêm Thành lo việc đánh dẹp, sử cũ ghi chép hai lần triều đình tổ chức đạo quân lớn xuất phát từ kinh thành Thăng Long, hành quân theo đường thuỷ qua sông Đáy trên đất Hà Nam rồi ra biển. Năm 1044, đích thân vua Lý Thái Tông chỉ huy đoàn thuyền chiến đi đánh. Năm 1069, triều đình giao trọng trách cho Thái úy Lý Thường Kiệt đem thuỷ quân tấn công quân Chiêm Thành. Đoàn thuyền dùng chân bên núi Cấm cạnh dòng sông Đáy (xã Thi Sơn, Kim Bảng), sau khi chiến thắng, Lý Thường Kiệt cùng tướng sĩ trở lại núi Cấm, truyền rằng, ông sáng tác điệu múa hát Dâm dục dân làng trình diễn mừng võ công lừng lẫy. Theo Thần phả đình An Xá (Thanh Tuyên, Thanh Liêm), trên đất xã Thanh Tuyên, Lý Thường Kiệt đã xây dựng căn cứ luyện quân ở vùng này.

Núi Đọi, nơi mùa xuân năm 987, vua Lê Đại Hành về cày tịch điền, mở đầu nghi lễ khuyến nông, đến thời Lý được thiêng hoá nhiều bậc. Đời vua Lý Thái Tông, tể tướng Dương Đạo Gia

đã cho xây dựng ngôi chùa nhỏ trên núi, thiên sư Đàm Cửu Chỉ trụ trì. Đến đời vua thứ tư nhà Lý - Lý Nhân Tông xây dựng lại chùa và cây bảo tháp Sùng Thiện Diên Linh là một trung tâm Phật giáo thời đó, kiêm hành cung của vua. Đời Lý Cao Tông (1176 - 1210) triều đình đặt một kho công trên núi.

Thời Tiền Lê, ruộng “tịch điền” đặt ở chân núi Đọi, sang thời Lý chuyển đến khu vực hành cung Lý Nhân (nay thuộc xã Phú Phúc, huyện Lý Nhân). “Việt sử lược”, “Đại Việt sử ký toàn thư” đã ghi chép cụ thể các lần vua nhà Lý về đây cày tịch điền hoặc khuyến nông. Tháng 6 năm 1067, vua Lý Thái Tông xem gặt lúa và đua thuyền. Vua Lý Thánh Tông hai lần đến xem gặt lúa vào tháng 10/1077 và tháng 8 nhuận năm 1080, một lần đến xem dân gieo hạt vào tháng 6 năm 1101. Vua Lý Anh Tông vào tháng 2/1146 và mùa xuân năm 1148 về cày tịch điền. Vua Lý Thần Tông xem dân gặt lúa vào tháng 10 năm 1137.

Thời Trần, vùng đất Hà Nam, nhất là con sông chảy trên địa bàn giữ vị trí bản lề giữa kinh thành Thăng Long và Thiên Trường - Kinh đô thứ hai của nhà Trần. Đặc biệt, trong ba lần chống quân Nguyên - Mông xâm lược, sông Hoàng Giang (khúc sông Hồng chảy qua huyện Lý Nhân), sông Thiên Mạc (con sông cổ đã bị bồi lấp gần hết, chảy trọn trên đất Hà Nam) là hai chốt nước quan trọng. Trong cuộc chiến chống Nguyên - Mông lần thứ hai (1285), đã diễn ra một trận đánh quyết liệt vào tháng 2 do Bảo Nghĩa vương Trần Bình Trọng (quê Liêm Cẩn, Thanh Liêm) chỉ huy, bảo vệ vua Trần và hoàng tộc rút khỏi Thăng Long về Thiên Trường an toàn. Bên bờ sông Hoàng Giang, Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn đã cho xây dựng các kho lương dành cho binh sĩ mà vị trí đến Trần Thương, xã Nhân Đạo, Lý Nhân là kho chính. Tháng 5, từ Thanh Hoá, Trần Quốc Tuấn đem đại quân ra Bắc để giải phóng kinh thành Thăng Long. Căn cứ phòng thủ đầu tiên của giặc bị tiêu diệt là A Lỗ (Trác Văn, Duy Tiên) bên bờ sông Hồng. Cuối thời Trần, trên sông Hoàng Giang lại diễn ra một trận đánh lớn. Ngày 23 tháng Giêng năm 1390, tướng Trần Khát Chân chốt giữ trên sông Hoàng Giang dụ quân Chiêm Thành vào sông Hải Triều (Thái Bình) đánh cho đại bại,

giết Chế Bồng Nga - vua Chiêm Thành.

Thời Hậu Lê, các dòng sông chảy trên đất Hà Nam lại nối nguồn lịch sử, văn hoá từ kinh đô. Năm 1467, vua Lê Thánh Tông cho diễn tập “Đồ Trung hư”, một trong 9 trận binh pháp thuỷ quân ở sông Hoàng Giang. Năm 1470, lại chính nhà vua đem quân đi “chinh phạt Chiêm Thành”, từ Hoàng Giang vào sông Long Xuyên (chảy trên đất huyện Lý Nhân), dừng chân ở Cầu Không, được thần âm phù. Đại thắng trở về, nhà vua dừng lại nơi này, cho đúc cuốn sách đồng ghi lại sự việc.

Lê Thánh Tông - nhà vua thi sĩ cũng từng du ngoạn, thăm thú đền bà Vũ Thị Thiết (Chân Lý, Lý Nhân), chùa Đọi (Đọi Sơn, Duy Tiên), Núi Đệp (Yên Nam, Duy Tiên), Núi Quế (An Lão, Bình Lục), đến đâu nhà vua đều lưu thơ để vịnh, giàu giá trị văn chương.

Một số chúa Trịnh du thuyền tham quan, thưởng lãm sông núi Hà Nam, để lại thơ hay, ý đẹp. Chúa Trịnh Doanh đi dọc bờ sông Đáy, từ Tượng Lĩnh, Tân Sơn đến Thi Sơn (Kim Bảng), thấy núi non trùng điệp, hùng vĩ, nên thơ, đã tôn phong dải sơn khối đá vôi, sông nước, chùa chiền nơi đây là “Bát Cảnh Tiêu Tương”, ý muốn đặt ngang hàng với 8 cảnh đẹp ở Tiêu Tương (Vân Nam, Trung Quốc). Chúa Trịnh Sâm đến thăm núi Cấm (Thị Sơn, Kim Bảng), Núi Quế (An Lão, Bình Lục), ven bờ sông Ninh. Bà chúa thơ nôm Hồ Xuân Hương sinh sống ở phường Khán Xuân của kinh thành Thăng long cũng đi du ngoạn Hà Nam, đến thăm Kim Bảng, Kẽm trống (Thanh Liêm), chùa Phúc Khánh (Đức Lý, Lý Nhân) tức cảnh sinh tình, để lại thơ đề, nổi tiếng là bài “Kẽm Trống” ý vị và hóm hỉnh.

Đến thời Tây Sơn và Nguyễn, Thăng Long không còn vị thế kinh đô. Nhà Nguyễn thay chữ “Long” (rồng) thành chữ “Long” (thịnh). Năm Minh Mạng thứ 12 (1831), triều đình tiến hành cải cách hành chính, bỏ các trấn, lập các tỉnh. Tỉnh Hà Nội ra đời, Hà Nam lúc ấy là phủ Lý Nhân thuộc tỉnh mới này. Thành phủ Lý Nhân trước đó ở trên đất xã Cổ Thọ (nay là xã Mỹ Thọ, Bình Lục) nay dời đến bên bờ sông Hồng (Nga Khê, Lý Nhân), đến khi Pháp thống trị thì dời về Châu Cầu. Năm 1809, tỉnh Hà Nam được thành lập, thành của phủ Lý Nhân chính thức mang tên Phủ Lý - tỉnh lỵ tỉnh Hà Nam.

Từ năm 1831 - 1890, Hà Nam là một bộ phận của Hà Nội, càng có mối quan hệ trực tiếp, gắn bó với Kẻ Chợ - đất đô hội muôn đời, cố đô Lý, Trần, Hậu Lê.

Hà Nam với Thăng Long

Thăng Long - Hà Nội tiếp nhận văn hoá của bốn phương, từ các kênh trong cả nước, có kênh từ Hà Nam. Với vị trí trực thuộc nội trấn, thuộc tỉnh Hà Nội từ thời Lý đến Nguyễn và ngày nay là cửa ngõ phía Nam thủ đô Hà Nội. Hà Nam đã góp phần không nhỏ cho vùng đất kinh đô, thủ đô.

Những đóng góp của con người, của văn hoá vật thể, phi vật thể Hà Nam trong lịch sử 1000 năm Thăng Long - Hà Nội thật khó kể hết.

Dưới chế độ phong kiến, Hà Nam là vùng đất nghèo nhưng hiếu học, nhiều người học giỏi đỗ đạt cao. Các vị tiến sĩ sau khi “vinh quy bái tổ” thường được triều đình trọng dụng, bổ giữ các chức quan trong triều, ngoài nội. Quan trong triều Lê, Mạc là các vị tiến sĩ Hà Nam có mặt ở các Bộ, các Viện, đô... ở cả ngạch văn và ngạch võ. Giữ chức Thượng thư (tương đương Bộ trưởng ngày nay) có tới 5 vị; giữ chức Thị Lang (như Thứ trưởng) trong các Bộ có 4 vị. Làm quan trong Viện Hàn lâm đòi hỏi “văn hay, chữ tốt”, trong hai thời Hậu Lê, Mạc có 4 nhà khoa bảng Hà Nam; các quan Giám sát Ngự sử được giao việc can ngăn vua làm điều trái lẽ, tính không được vụ lợi, trung thực, thẳng thắn, dũng khí, trong các triều đình Hậu Lê, Mạc lưu lại hậu thế tên tuổi có 3 vị; được triều đình tin cậy cử đi sứ sang nhà Minh (Trung Quốc) có 2 vị...

Thành lập năm 1070, suốt trong các thời Lý, Trần, Hậu Lê, Mạc Văn Miếu - Quốc Tử Giám Thăng Long đóng vai trò trung tâm đào tạo nhân tài cho đất nước - Trường Đại học đầu tiên của Việt Nam. Đứng đầu bộ máy quản lý, đào tạo là các chức Tế tửu, Hành Tế tửu, Tư nghiệp. Trong thời Hậu Lê, bốn vị người Hà Nam giữ chức Tế tửu, lần lượt là Lê Tung, Nguyễn Mạo (quê Châu Sơn, thành phố Phủ Lý), Trương Công Giai, Nguyễn Kỳ (quê An Lão, Bình Lục). Nhà khoa bảng Lê Tung đỗ Hoàng giáp Tiến sĩ còn nổi tiếng trên phương diện sử học, với tác phẩm “Việt giám thông khảo tổng luận” và là nhà văn hoá, nhà thơ thời bấy giờ.

Danh xưng Hà Nam giữa lòng Hà Nội

Thăng Long - Hà Nội hội tụ, lưu giữ những dấu ấn lịch sử, văn hoá của dân tộc thể hiện qua các danh xưng; địa danh, nhân danh, vật danh, sự kiện danh của các vùng, các địa phương. Danh xưng Hà Nam cùng cả nước đang hiện diện giữa lòng Hà Nội hôm nay.

Trống đồng Ngọc Lũ I, hơn một thế kỷ qua được xác nhận là một biểu tượng của văn hoá Đông Sơn, cổ và đẹp nhất. Nguyên chủ tịch nước Lê Đức Anh đã trao tặng phiên bản trống đồng Ngọc Lũ I cho Liên hợp quốc. Trống được phát hiện ở Ngọc Lũ (Bình Lục), người Pháp mang lên Viễn đông Bác cổ năm 1902, hiệu lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Trên 14 trong 82 bia đề danh tiến sĩ ở Văn Miếu Quốc tử giám (Hà Nội) có tên 18 nhà khoa bảng Hà Nam đã tăng thêm tự hào cho nhân dân Hà Nam, nhất là 82 bia Tiến sĩ này vừa được UNESCO công nhận là di sản tư liệu của nhân loại.

Danh xưng Hà Nam thể hiện đậm nét bằng những địa danh, nhân danh, công trình lịch sử, văn hoá ở nội thành Hà Nội.

Ba Đình - địa danh lịch sử gắn bó với tên tuổi Đinh Công Tráng. Ông là thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa chống Pháp 1866 - 1887 cùng Phạm Bành.

Đình Công Tráng - người lập nên dấu ấn lịch sử Ba Đình còn được vinh danh bằng tên phố: Phố Đình Công Tráng thuộc phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm. Ông người làng Nham Tràng (xã Thanh Tân, Thanh Liêm).

Nói đến Thăng Long, Hà Nội, hẳn ai cũng nhớ câu: "Hà Nội 36 phố phường". Có một con phố vốn là phường thợ làm trống do dân làng Đọi Tam (Đọi Sơn, Duy Tiên) lập nên: Phố Hàng Trống thuộc phường Hàng Trống (quận Hoàn Kiếm) còn có vườn hoa Hàng Trống nữa, ở số 42 phố Nhà Chung nơi có công viên, thư viện quận Hoàn Kiếm.

Lê Đại Hành - vị vua khởi nghiệp nhà Tiền Lê, quê nội xã Liêm Cần, Thanh Liêm được tôn vinh bằng cả tên phường, tên phố, ngõ thuộc quận Hai Bà Trưng: phường Lê Đại Hành, phố Lê Đại Hành, ngõ Lê Đại Hành xưa đặt đàn Nam Giao thời Hậu Lê, hàng năm nhà vua tới tế trời đất.

Thái sư Trần Thủ Độ, người có công lập nên triều Trần, trụ cột của bộ máy lãnh đạo chống quân Nguyên - Mông lần thứ nhất (1258). Ông được ban thái ấp Quốc Hương (nay là thôn Vọc, xã Vũ Bản, Bình Lục). Phố Trần Thủ Độ nằm trên đường vành đai 3 và khu chung cư Pháp Vân, Tứ Hiệp (quận Hoàng Mai). Trần Kkhánh Dư - danh tướng thời Trần có thái ấp ở Dưỡng Hoà (nay thuộc xã Duy Hải, Duy Tiên). Đường Trần Khánh Dư nằm trên địa bàn phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm và phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, phố Trần Bình Trọng thuộc phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm và phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng mang tên danh tướng Hà Nam. Trần Bình Trọng (1259 - 1285) quê xã Bảo Thái (nay là xã Liêm Cần, Thanh Liêm), dòng dõi Lê Hoàn, ông, cha làm quan triều Trần, lập công lớn nên được ban họ vua. Bị giặc bắt nhưng không chịu hàng, mắng vào mặt chúng "Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc". Giặc giết ông, vua Trần vô cùng thương xót, truy phong ông là Bảo Nghĩa vương.

Hai bậc tiền bối cách mạng Hà Nam được đặt tên cho hai phố: Phố Lương Khánh Thiện (phường Tương Mai, quận Hai Bà Trưng), phố Trần Tử Bình (phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy). Lương Khánh Thiện (1903 - 1941) quê làng Mễ Tràng (xã Liêm Chính, thành phố Phủ Lý), Trần Tử Bình (1907 - 1967) quê thôn Đồng Chuối (xã Tiêu Động, Bình Lục).

Người con của Hà Nam anh dũng ôm bom ba càng diệt xe tăng địch ngày 06/01/1947 ở Hà Nội được ghi nhận bằng tên một phố ở phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa: phố Nguyễn Phúc Lai. Ông sinh năm 1928 ở Hà Nội, nhưng quê gốc ở thôn Chi Long (xã Nguyên Lý, Lý Nhân).

Giữa lòng Hà Nội hôm nay, nhiều phố ghi danh các nhân tài văn học Hà Nam như Nguyễn Khuyến, Nam Cao.

Những trình bày trên đã cho chúng ta thấy, có mối quan hệ hai chiều khăng khít giữa hai vùng đất Hà Nội, Hà Nam suốt chiều dài lịch sử và đang mở về phía trước, mà bài viết nhỏ này mới chỉ phác họa những nét chấm phá trong khuôn giới hạn nghìn năm./.